

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG
QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Số: /2026/TTr-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling),

Hội đồng quản trị PV Drilling kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán như Phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Ban TCKT, TH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Mai Thế Toàn



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI
SANG ĐỒNG VIỆT NAM ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Thế Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Sơn	Thành viên
Ông Vũ Thụy Tường	Thành viên
Đoàn Đắc Tùng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 22/10/2025)
Trần Văn Hoạt	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)
Phạm Xuân Sơn	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên (Miễn nhiệm từ 23/4/2025)
Ông Văn Đức Tờng	Thành viên (Miễn nhiệm từ 23/4/2025)
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên (Miễn nhiệm từ 20/10/2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Danh Rạng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Đoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Nhựt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Dương	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Cường

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

AM

03
TỔNG
CÔNG
TY
D
P H

12500
HI NH
NG TY
IỂM T
LOI
IẾT N
HỒ HỒ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Tổng Công ty phù hợp chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Tổng Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính hợp nhất bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 25 tháng 3 năm 2026 về báo cáo tài chính hợp nhất đó với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thanh Vương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 5443-2022-001-1

24

TỔNG
TY
DỊCH
VU

CH



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.657.061.718.516	7.782.381.355.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.821.273.980.243	2.203.268.278.194
1. Tiền	111		1.700.983.804.175	1.895.198.629.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		120.290.176.068	308.069.649.045
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		688.956.087.159	770.247.363.138
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	688.956.087.159	770.247.363.138
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.320.195.613.823	3.469.317.637.527
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.313.704.304.677	2.723.586.217.779
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	208.476.540.204	125.602.867.674
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	863.843.391.280	691.251.654.969
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(65.828.622.338)	(71.123.102.895)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.536.520.885.112	1.215.947.183.667
1. Hàng tồn kho	141		1.675.996.953.160	1.351.772.262.165
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(139.476.068.048)	(135.825.078.498)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		290.115.152.179	123.600.892.641
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		27.912.403.568	16.468.121.427
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		260.625.324.804	102.728.668.551
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	1.577.423.807	4.404.102.663
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.652.800.964.234	15.832.176.406.056
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		227.517.444.064	319.500.195.972
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	227.517.444.064	319.500.195.972
II. Tài sản cố định	220		14.607.847.812.254	12.860.927.344.986
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	14.452.833.424.755	12.699.952.977.516
- Nguyên giá	222		29.180.690.172.632	26.578.381.033.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.727.856.747.877)	(13.878.428.055.948)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	155.014.387.499	160.974.367.470
- Nguyên giá	228		351.582.370.190	342.032.824.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(196.567.982.691)	(181.058.457.348)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.203.939.665.047	1.222.347.781.896
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	2.203.939.665.047	1.222.347.781.896
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		770.410.778.053	681.384.574.209
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	14	770.410.778.053	681.384.574.209
V. Tài sản dài hạn khác	260		843.085.264.816	748.016.508.993
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	563.098.028.282	487.028.233.233
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	279.987.236.534	260.988.275.760
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		28.309.862.682.750	23.614.557.761.223

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur
 Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.211.575.733.628	7.562.215.436.820
I. Nợ ngắn hạn	310		6.619.272.245.050	4.124.097.177.363
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	2.592.727.186.371	1.172.639.294.571
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	83.089.405.870	48.704.229.804
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	215.170.453.950	160.044.196.383
4. Phải trả người lao động	314		320.432.402.764	194.298.162.672
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	1.685.592.637.235	1.143.718.389.984
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	256.527.637.178	381.073.118.157
7. Vay ngắn hạn	320	22	821.033.901.691	507.298.751.244
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	431.068.664.816	352.669.606.560
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		213.629.955.175	163.651.427.988
II. Nợ dài hạn	330		4.592.303.488.578	3.438.118.259.457
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	20	30.843.119.367	29.815.446.513
2. Phải trả dài hạn khác	337	21	474.918.261.627	474.522.246.216
3. Vay dài hạn	338	24	3.588.223.884.700	2.541.390.152.379
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	370.015.601.719	312.624.272.919
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	26	128.302.621.165	79.766.141.430
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.098.286.949.122	16.052.342.324.403
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	17.098.286.949.122	16.052.342.324.403
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.562.960.060.000	5.562.960.060.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.562.960.060.000	5.562.960.060.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.434.086.374.663	2.434.086.374.663
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.948.559.850)	(20.948.559.850)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		3.252.855.556.290	2.792.241.545.827
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.320.705.423.029	4.012.253.033.539
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.291.401.833.485	1.021.741.898.048
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		743.801.895.048	693.559.803.718
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		547.599.938.437	328.182.094.330
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	28	257.226.261.505	250.007.972.176
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		28.309.862.682.750	23.614.557.761.223



Nguyễn Xuân Cường
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Trường
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	10.920.980.420.430	9.289.871.699.307
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.991.144.390	1.812.391.761
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		10.896.989.276.040	9.288.059.307.546
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	8.819.108.718.862	7.533.882.511.644
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.077.880.557.178	1.754.176.795.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	197.278.306.386	151.936.733.589
7. Chi phí tài chính	22	35	362.522.548.774	400.242.559.254
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		190.796.075.404	237.839.369.526
8. Phần lãi trong công ty liên doanh	24	14	142.886.556.290	48.703.444.830
9. Chi phí bán hàng	25		44.570.684.726	34.726.143.132
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	810.428.206.740	600.492.942.054
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		1.200.523.979.614	919.355.329.881
12. Thu nhập khác	31	37	315.406.448.764	77.648.609.910
13. Chi phí khác	32	38	129.645.213.362	59.793.738.042
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		185.761.235.402	17.854.871.868
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.386.285.215.016	937.210.201.749
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	39	345.502.862.294	269.824.313.937
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	(10.790.639.210)	(30.584.822.613)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.051.572.991.932	697.970.710.425
Phân bổ cho:				
- Cổ đông của Công ty mẹ	61		1.038.634.292.340	697.851.813.973
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát và các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh	62	28	12.938.699.592	118.896.452
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	1.541	1.000



Nguyễn Xuân Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Trường
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.386.285.215.016	937.210.201.749
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	859.603.231.390	883.531.324.989
Các khoản dự phòng	03	104.549.307.214	75.472.253.109
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(48.152.557.924)	18.236.811.411
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(212.484.791.692)	(111.172.350.777)
Chi phí lãi vay	06	190.796.075.404	237.839.369.526
Các khoản điều chỉnh khác	07	62.323.734.751	19.304.722.759
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.342.920.214.159	2.060.422.332.766
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.611.880.575.912)	(1.228.820.483.457)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(277.182.084.310)	(156.519.759.495)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.549.230.049.540	587.368.994.181
Thay đổi chi phí trả trước	12	(70.327.403.460)	153.249.916.470
Tiền lãi vay đã trả	14	(81.492.577.996)	(44.802.903.096)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(279.008.605.508)	(213.840.723.033)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(140.219.014.972)	(120.162.287.265)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.432.040.001.541	1.036.895.087.071
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(3.049.031.710.020)	(1.371.364.408.053)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	748.502.744	1.310.547.615
3. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.389.054.473.645)	(1.101.089.999.748)
4. Tiền thu bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.506.356.325.546	1.651.468.571.463
5. Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	62.363.861.902	61.834.875.864
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.868.617.493.473)	(757.840.412.859)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	9.725.837.524	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.816.914.079.062	27.071.565.537
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(565.367.644.260)	(462.170.763.312)
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(281.430.430.500)	(3.490.427.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	979.841.841.826	(438.589.625.275)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(456.735.650.106)	(159.534.951.063)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.203.268.278.194	2.256.047.157.280
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.370.207.120	(472.010.946)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	62	73.371.145.035	107.228.082.923
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)	70	1.821.273.980.243	2.203.268.278.194



Nguyễn Xuân Cường

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Trường

Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng

Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI
SANG ĐỒNG VIỆT NAM ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Thế Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Sơn	Thành viên
Ông Vũ Thụy Tường	Thành viên
Ông Đoàn Đắc Tùng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 22/10/2025)
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)
Ông Phạm Xuân Sơn	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 23/04/2025)
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên (Miễn nhiệm từ 23/4/2025)
Ông Văn Đức Tờng	Thành viên (Miễn nhiệm từ 23/4/2025)
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên (Miễn nhiệm từ 22/10/2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Danh Rạng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Đoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Nhứt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Dương	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Cường

Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Tổng Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Tổng Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính riêng bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 24 tháng 3 năm 2026 về báo cáo tài chính riêng đó với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Trung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thanh Vương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 5443-2022-001-1

HÀN
HOÀN
NH

T.N.H.H
M.S.C.N

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**MÃ SỐ B 01-DN**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.072.593.274.507	6.110.972.743.638
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.229.967.131.134	1.886.098.345.506
1.	Tiền	111		1.190.676.967.388	1.616.028.699.102
2.	Các khoản tương đương tiền	112		39.290.163.746	270.069.646.404
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		584.042.866.066	604.794.124.794
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	584.042.866.066	604.794.124.794
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.894.977.258.113	2.587.511.836.158
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.801.971.746.379	1.803.715.619.703
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		159.009.097.052	102.545.977.566
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	964.554.173.438	711.402.761.001
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(30.557.758.756)	(30.152.522.112)
IV.	Hàng tồn kho	140	9	1.109.680.684.077	933.073.083.426
1.	Hàng tồn kho	141		1.169.171.839.182	985.450.601.451
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(59.491.155.105)	(52.377.518.025)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		253.925.335.117	99.495.353.754
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	8.941.281.760	5.354.449.299
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		244.984.053.357	94.140.904.455
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.199.832.806.135	11.429.376.694.656
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		275.088.985.008	362.817.831.954
1.	Phải thu dài hạn khác	216	11	275.088.985.008	362.817.831.954
II.	Tài sản cố định	220		7.691.153.587.471	5.833.433.295.912
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.576.316.685.797	5.715.949.205.511
	- Nguyên giá	222		16.958.530.579.401	14.640.407.155.893
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.382.213.893.604)	(8.924.457.950.382)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	114.836.901.674	117.484.090.401
	- Nguyên giá	228		276.686.983.568	266.821.155.756
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(161.850.081.894)	(149.337.065.355)
III.	Tài sản dở dang dài hạn	240		2.100.193.728.705	1.193.458.870.326
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.100.193.728.705	1.193.458.870.326
IV.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.530.480.071.134	3.449.878.634.946
1.	Đầu tư vào công ty con	251	15	3.415.656.077.575	3.300.393.447.225
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	470.075.632.342	455.185.787.946
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(355.251.638.783)	(305.700.600.225)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		602.916.433.817	589.788.061.518
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	600.526.294.228	575.605.433.352
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	2.390.139.589	14.182.628.166
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		21.272.426.080.642	17.540.349.438.294

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.246.316.682.584	2.309.612.612.184
I. Nợ ngắn hạn	310		3.738.978.463.864	2.064.669.478.350
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	2.102.482.898.150	1.277.666.359.644
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	11.110.440.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	82.235.514.505	75.784.917.264
4. Phải trả người lao động	314		133.227.679.847	74.892.849.936
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	747.909.299.831	234.762.435.654
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	35.162.278.954	155.449.574.925
7. Vay ngắn hạn	320	24	357.219.200.587	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	161.320.249.408	140.744.478.318
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		119.421.342.582	94.258.422.609
II. Nợ dài hạn	330		1.507.338.218.720	244.943.133.834
1. Vay dài hạn	338	24	1.227.232.696.914	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	263.928.446.240	222.891.511.287
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	26	16.177.075.566	22.051.622.547
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.026.109.398.058	15.230.736.826.110
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	16.026.109.398.058	15.230.736.826.110
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.562.960.060.000	5.562.960.060.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.562.960.060.000	5.562.960.060.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.434.086.374.663	2.434.086.374.663
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.948.559.850)	(20.948.559.850)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		3.622.472.977.746	3.118.279.151.677
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.719.423.108.854	3.520.452.178.488
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		708.115.436.645	615.907.621.132
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		337.967.618.132	263.341.120.911
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		370.147.818.513	352.566.500.221
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		21.272.426.080.642	17.540.349.438.294



Nguyễn Xuân Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Trường
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.815.201.044.038	6.374.042.701.281
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	23.748.880.000	-
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	6.791.452.164.038	6.374.042.701.281
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	5.859.325.196.626	5.436.642.884.685
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		932.126.967.412	937.399.816.596
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	413.208.854.054	229.429.415.307
6. Chi phí tài chính	22	33	174.685.480.562	35.774.606.085
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.809.621.574	-
7. Chi phí bán hàng	25		23.969.073.420	16.806.060.861
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	465.749.482.210	354.519.277.077
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		680.931.785.274	759.729.287.880
10. Thu nhập khác	31	35	270.103.859.696	45.377.863.443
11. Chi phí khác	32		72.719.070.560	7.395.874.029
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		197.384.789.136	37.981.989.414
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		878.316.574.410	797.711.277.294
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	202.947.298.275	164.672.795.168
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	12.132.812.326	5.108.488.002
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		663.236.463.809	627.929.994.124



Nguyễn Xuân Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Trường
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	878.316.574.410	797.711.277.294
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	496.101.118.758	428.070.272.106
Các khoản dự phòng	03	93.138.951.306	(62.136.116.601)
(Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(42.210.820.474)	8.426.287.896
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(314.141.356.252)	(166.076.700.810)
Chi phí lãi vay	06	2.809.621.574	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.114.014.089.322	1.005.995.019.885
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.037.941.676.906)	(997.999.747.146)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(149.957.785.310)	(145.735.654.359)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.084.640.571.048	689.048.047.803
Thay đổi chi phí trả trước	12	(9.407.731.602)	196.501.592.610
Tiền lãi vay đã trả	14	(20.633.956.248)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(185.518.790.314)	(164.065.868.547)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	9.610.268.160
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(73.744.531.710)	(67.678.727.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	721.450.188.280	525.674.931.021
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.904.013.459.424)	(1.240.899.274.890)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	745.043.668	1.050.252.945
Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.297.455.890.000)	(1.025.051.354.952)
Tiền thu bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.318.207.148.728	1.500.495.999.278
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.227.920.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	136.040.915.816	68.826.833.226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.753.704.161.212)	(695.577.544.393)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.589.022.640.308	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.565.996.180)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(277.940.003.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.283.516.641.128	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(748.737.331.804)	(169.902.613.372)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.886.098.345.506	1.932.023.113.440
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.031.630.696	(1.239.619.182)
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	62	91.574.486.736	125.217.464.620
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)	70	1.229.967.131.134	1.886.098.345.506



Nguyễn Xuân Cường
 Tổng Giám đốc
 Ngày 24 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Trường
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này